

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CHÂU THÀNH
TỈNH TRÀ VINH**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 41/2017/HNGĐ-ST

Ngày 18-7-2017

Về việc “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung
và nợ chung*”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CHÂU THÀNH, TỈNH TRÀ VINH
- Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa: Bà Đoàn Thị Thu Trang

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Nguyễn Văn Triệu
2. Ông Dương Văn Đến

Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Ông Nguyễn Phước Hậu, thư ký Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh không tham gia phiên tòa.

Ngày 18 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 113/2017/TLST-HNGĐ ngày 03 tháng 4 năm 2017 về việc: “*Ly hôn, tranh chấp nuôi con chung và nợ chung*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 59/2017/QĐST-HNGĐ, ngày 27 tháng 6 năm 2017 giữa các đương sự:

1. *Nguyên đơn:* Chị Đặng Thị B, sinh năm 1989 (có mặt);
Địa chỉ: ấp Phú Nhiêu, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
2. *Bị đơn:* Anh Lê Văn T, sinh năm 1988 (vắng mặt không lý do);
Địa chỉ: Khóm 2, thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.
3. *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:*
Đặng Thị O, sinh năm 1967 (vắng mặt có đơn xét xử vắng mặt);
Địa chỉ: ấp Phú Nhiêu, xã Mỹ Chánh, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn khởi kiện đề ngày 27/3/2017 và các lời khai trong quá trình giải quyết vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay nguyên đơn chị Đặng Thị B trình bày:

Năm 2010 chị Đặng Thị B và anh Lê Văn T quen biết yêu thương nhau và xác lập quan hệ hôn nhân đến năm 2012 thì đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Trong quá trình chung sống chị B và anh T có 01 người con chung tên Lê Văn Minh Th, sinh ngày 13/9/2011, hiện tại con chung đang sống với anh T và phát triển bình thường về tinh thần và thể chất. Sau khi kết hôn được một thời gian thì chị B và anh T phát sinh mâu thuẫn, thường xuyên cự cãi do bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên chị B yêu cầu được ly hôn với anh T.

Tài sản chung: Chị B không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết.

Nợ chung: Chị B trình bày nợ bà Đặng Thị O 30.000.000 đồng yêu cầu chia đôi để trả.

Con chung chị B yêu cầu được nuôi con mà không yêu cầu cấp dưỡng.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:* Bà Đặng Thị O có đơn giải quyết vắng mặt và trình bày đối với số tiền 30.000.000 đồng mà chị B và anh T có nợ bà, bà Oanh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay, chị Đặng Thị B giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh Lê Văn Bạch.

Con chung: Chị B cho rằng con chung tên Lê Văn Minh Th từ nhỏ cho đến nay và trong quá trình chị và anh T ly thân thì con chung vẫn sống chung với anh T vẫn phát triển tốt về tinh thần, thể chất nên chị để con chung cho anh T tiếp tục nuôi dưỡng, chị không yêu cầu được nuôi con chung.

Tài sản chung, nợ chung: chị B không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh Lê Văn T là bị đơn trong vụ án, mặc dù được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng anh T vắng mặt không lý do.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và các căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

Về quan hệ pháp luật của vụ án: “*Ly hôn và tranh chấp nuôi con chung*” căn cứ vào khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh.

Về tố tụng anh Lê Văn T đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng vắng mặt không có lý do. Căn cứ theo điều 227 Bộ luật tố tụng dân sự, Tòa án đưa ra xét xử vắng mặt bị đơn.

Xét thấy, chị Đặng Thị B và anh Lê Văn T tự nguyện xác lập quan hệ hôn nhân với nhau vào năm 2010, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân thị trấn Châu Thành, huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh là hôn nhân được pháp luật thừa nhận.

Theo đơn khởi kiện và lời trình bày của chị Đặng Thị B thì trong quá trình chung sống chị B và anh T chung sống hạnh phúc đến năm 2015 thì phát sinh mâu thuẫn nên thường xuyên cự cãi, bất đồng quan điểm trong cuộc sống nên anh chị đã ly thân từ năm 2015 cho đến nay. Thời gian ly thân chị B và anh T cố gắng hàn gắn tình cảm với nhau nhưng không thể hòa hợp chung sống với nhau được mà ngày càng mâu thuẫn trầm trọng. Hội đồng xét xử xét thấy tình cảm vợ chồng chị B và anh T không còn yêu thương nhau, hôn nhân đã lâm vào tình trạng trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, thể hiện là thời gian ly thân đã khá lâu nhưng chị B và anh T không thể hàn gắn lại tình cảm để cùng nhau nuôi dạy con chung. Mặt khác, anh Lê Văn T được Tòa án triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng cố tình vắng mặt không có lý do thể hiện không quan tâm đến hôn nhân giữa chị B và anh T. Vì vậy, Hội đồng xét xử xét thấy cho chị Đặng Thị B và anh Lê Văn T ly hôn là có cơ sở.

Con chung: Từ lúc nhỏ cho đến nay và trong quá trình chị B và anh T ly thân với nhau thì cháu Lê Văn Minh Th, sinh 13/9/2011 vẫn sống chung với anh T, cháu phát triển tốt về tinh thần và thể chất. Hội đồng xét xử xét thấy giao cháu Lê Văn Minh Th cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng là tạo điều kiện tốt cho việc chăm sóc, giáo dục, nuôi dưỡng cháu Th. Anh T và chị B không yêu cầu xem xét cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về tài sản chung: Chị Đặng Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Chị Đặng Thị B và bà Đặng Thị O không yêu cầu giải quyết nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Án phí: Chị Đặng Thị B chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1, Điều 28; điểm a, khoản 1, Điều 35; điểm a, khoản 1, Điều 39; Điều 147; Điều 273 và Điều 280 Bộ luật tố tụng dân sự.

Căn cứ Điều 51; Điều 56; Điều 57; Điều 58; Điều 81; Điều 82; Điều 83 và Điều 84 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

Căn cứ Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Chấp nhận yêu cầu khởi kiện về việc ly hôn của chị Đặng Thị B. Cho chị Đặng Thị B được ly hôn với anh Lê Văn T.

Con chung: Giao con chung tên Lê Văn Minh Th, sinh ngày 13/9/2011 cho anh Lê Văn T trực tiếp nuôi dưỡng. Anh T không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con nên Hội đồng xét xử không xem xét.

Cha, mẹ không trực tiếp nuôi con có nghĩa vụ tôn trọng quyền của con được sống chung với người trực tiếp nuôi. Người không trực tiếp nuôi con có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

Về tài sản chung: Chị Đặng Thị B không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không đặt ra giải quyết.

Về nợ chung: Chị Đặng Thị B và bà Đặng Thị O không yêu cầu nên Hội đồng xét xử không xem xét giải quyết.

Về án phí: Buộc chị Đặng Thị B chịu toàn bộ án phí hôn nhân sơ thẩm là 300.000 đồng (*Ba trăm nghìn đồng*) nhưng được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí là 300.000 đồng mà chị B đã nộp theo biên lai số 0009919 ngày 27/3/2017 tại Chi cục thi hành án dân sự huyện Châu Thành, tỉnh Trà Vinh. Chị B không phải nộp thêm.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thoả thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Án xử sơ thẩm công khai báo cho đương sự có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết tại nơi cư trú của đương sự.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Trà Vinh;
- VKSND huyện Châu Thành;
- THADS huyện Châu Thành;
- Các đương sự;
- Lưu.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ
(đã ký)

Đoàn Thị Thu Trang